

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TH
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 13/2023/DS-ST
Ngày 18-4-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
hội”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH-TỈNH LONG A**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị N

2. Ông Nguyễn Văn H

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Th - Kiểm sát viên.

Các ngày 13 và ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Bùi Thị Y, sinh năm 1962 (có mặt)

Trú tại: ấp Bảy Ng, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

2. *Bị đơn*: ông Lê Tấn T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bằng L, xã Tân L, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của bà Bùi Thị Y trình bày: Bà có tham gia góp vốn xoay vòng với vợ chồng ông T và bà H làm đầu thảo 04 dây hội gồm loại hội 5.000.000đồng, hội 2.000.000đồng và hội 1.000.000đồng như sau:

- Dây thứ nhất khai ngày 15/01/2020 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng có 23 hội viên, bà tham gia 01 phần, hình thức 02 tháng khai 01 lần, sau đó bà đóng được 20 lần số tiền 40.000.000đồng thì vợ chồng ông T và bà H thông báo ngưng hội.

- Dây hội thứ hai khai ngày 15/01/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000đồng có 21 hội viên, bà tham gia 01 phần, 03 tháng khai 01 lần, sau đó bà đóng được 07 lần số tiền 35.000.000đồng thì vợ chồng ông T bà H thông báo ngưng hội.

- Dây hội thứ ba khai ngày 30/3/2020 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng có 33 hội viên, bà tham gia 02 phần, 01 tháng khai 01 lần, sau đó bà đóng được 17 lần x 2 phần = 34.000.000đồng thì vợ chồng ông T bà H ngưng hội.

- Dây hội thứ tư khai ngày 05/02/2021 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng có 45 hội viên, bà tham gia 03 phần, 01 tháng khai 01 lần, sau đó bà đóng được 06 lần x 03 phần = 18.000.000đồng thì vợ chồng ông T bà H thông báo ngưng hội.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T và bà H trả lại số tiền hội 127.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Lê Tấn T, bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng ông bà làm đầu thảo, bà Bùi Thị Y là hội viên có tham gia 04 dây hội gồm hội loại 5.000.000đồng, hội 2.000.000đồng và hội 1.000.000đồng, bà Y đóng hội đầy đủ. Đến khi vợ chồng tôi tuyên bố vỡ hội còn thiếu bà Y số tiền hội 127.000.000đồng. Nay vợ chồng tôi đồng ý trả số tiền 127.000.000đồng cho bà Y nhưng do hoàn cảnh khó

khẩn nên xin trả dần mỗi tháng số tiền 500.000đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 BLTTDS; Thẩm phán thu thập chứng cứ theo quy định Điều 96, 97, 98 BLTTDS.Hội đồng xét xử vẫn đảm bảo theo quy định. Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị Y đã cung cấp chứng cứ chứng minh về việc bà có tham gia các dây hội do ông Lê Tấn T làm đầu thảo và đến khi vỡ hội ông T và bà Nguyễn Thị H (vợ ông T) có làm giấy biên nhận nợ hội bà Y số tiền 127.000.000đồng. Phía ông T và bà Y thống nhất có thiếu bà Y số tiền nợ hội là 127.000.000đồng và cũng thống nhất đồng ý trả bà Y số tiền thực đóng 72.557.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ phía nguyên đơn không đồng ý, do đó bà Y yêu cầu trả số tiền hội 72.557.000đồng có cơ sở. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biên, phường; Nghị quyết số 326 quy định án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Vụ việc tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Y với bị đơn

ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H là “Tranh chấp hợp đồng hội” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*: Xét thấy bà Y và vợ chồng ông T và bà H thỏa thuận hợp đồng góp vốn, ông T làm đầu thảo còn bà Y là hội viên, gồm các dây hội do bà Y cung cấp cụ thể như sau:

-Dây hội thứ nhất khai ngày 20/6//2018 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng, có 23 hội viên, 02 tháng khai 01 lần, trong đó bà Y tham gia 01 phần. Từ khi thực hiện bà Y đóng hội cho ông T đến ngày 30/8/2021 âm lịch được 20 lần, vợ chồng ông T thừa nhận bà Y đóng được 20 lần từ ngày khai hội lần thứ nhất đến ngày 30/8/2021âm lịch số tiền 24.852.000đồng.

-Dây hội thứ hai khai ngày 15/01/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000đồng, có 21 hội viên, 03 tháng khai 01 lần, trong đó bà Y tham gia 01 phần. Từ khi thực bà Y đóng cho ông T đến ngày 30/8/2021 âm lịch được 07 lần, vợ chồng ông T thừa nhận bà Y đóng được 07 lần từ ngày khai hội lần thứ nhất đến ngày 30/8/2021 âm lịch số tiền17.735.000đồng.

-Dây hội thứ ba khai ngày 30/3/2020 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng, có 33 hội viên, 01 tháng khai 01 lần, trong đó bà Y tham gia 02 phần. Từ khi thực hiện hợp đồng bà Y đóng cho ông T đến ngày 30/8/2021 âm lịch được 17 lần, vợ chồng ông T thừa nhận với nhau bà Y đóng được 17 lần x 02 phần từ ngày khai hội lần thứ nhất đến ngày 30/8/2021 âm lịch số tiền 19.860.000đồng.

-Dây hội thứ tư khai ngày 05/02/2021 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng, có 45 hội viên, hội 01 tháng khai 01 lần, trong đó bà Y tham gia 03 phần. Từ khi thực hiện hợp đồng bà Y đóng cho ông T đến ngày 30/8/2021 âm lịch được 06 lần, vợ chồng ông T thừa nhận bà Y đóng được 06 lần x 03 phần từ ngày khai hội lần thứ nhất đến ngày 30/8/2021 âm lịch số tiền 10.110.000đồng

[3] Còn đối với giấy biên nhận nợ (không ghi ngày tháng năm) do bà Y cung cấp có bà Nguyễn Thị H ký tên nợ 127.000.000đồng. Thực chất đây là số tiền nợ hội sau khi ông T và bà H thông báo ngưng hội ông T không trả tiền bà Y, do đó

bà H viết giấy biên nhận còn thiếu bà Y 127.000.000đồng, tuy nhiên tại phiên tòa giữa bà Y với ông T và bà H thừa nhận với nhau số tiền nợ hui là 72.557.000đồng. Xét thấy theo đơn khởi kiện bà Y yêu cầu ông T và bà H trả nợ hui 127.000.000đồng, nhưng tại phiên tòa bà Y thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T trả 72.557.000đồng tiền thực tế mà bà đã đóng cho vợ chồng ông T là không vượt với yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà Y.

[4] Về thời gian trả nợ, tại phiên tòa bà Y yêu cầu vợ chồng ông T và bà H trả số tiền nợ hui 72.557.000đồng dứt điểm 01 lần, ông T và bà H xin trả mỗi tháng 1.000.000đồng không được bà Y đồng ý. Xét thấy do vợ chồng ông T và bà H có lỗi và vi phạm hợp đồng góp vốn theo thỏa thuận giữa đầu thảo và các hui viên, vì vậy Hội đồng xét xử chấp yêu cầu bà Y là có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về lãi suất, tại phiên tòa bà Y không yêu cầu vợ chồng ông T và Hiếu trả lãi, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T và bà H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà Y yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nhưng bà Y người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên bà không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biêu, phường.

Áp dụng Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Y.

1. Buộc ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả bà Bùi Thị Y 72.557.000 đồng (*Bảy mươi hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi Bảy Ng đồng*) tiền nợ hui.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Tấn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.627.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;

- VKSND huyện Tân Th;

- Chi cục THADS huyện Tân Th;

- Các đương sự;

- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H

